

TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 31 : VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MAI, DU LỊCH

Câu 1. Nội thương của nước ta hiện nay

- A. Đã thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế
- B. Chưa có sự tham gia của các tập đoàn bán lẻ quốc tế lớn
- C. Phát triển chủ yếu dựa vào các doanh nghiệp Nhà nước
- D. Không có hệ thống siêu thị nào do người Việt quản lí

Câu 2. Trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa về doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2005:

- A. Khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng nhỏ nhất
- B. Khu vực Nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất
- C. Khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất
- D. Khu vực Nhà nước chiếm tỉ trọng nhỏ nhất

Câu 3. Hiện nay, thị trường buôn bán của nước ta được mở rộng

- A. Theo hướng chú trọng đến các nước xã hội chủ nghĩa cũ
- B. Theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa
- C. Nhưng chưa có quan hệ với các nước Tây Âu
- D. Nhưng chưa có quan hệ với các nước Mĩ La Tinh

Câu 4. Sự kiện nào sau đây ít ảnh hưởng đến ngoại thương nước ta ?

- A. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập
- B. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được kí kết
- C. Cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2016
- D. Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức Thương mại thế giới(WTO)

Câu 5. Nhân tố quan trọng nhất khiến cho kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng trong những năm gần đây là

- A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi
- B. Mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm
- C. Nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao
- D. Cơ sở vật chất- kĩ thuật tốt

Câu 6. Các thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta những năm gần đây là

- A. Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc
- B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc
- C. Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản

D. Thái Lan, Lào, Campuchia

Câu 7. Kim ngạch nhập khẩu của nước ta trong những năm gần đây tăng khá mạnh là do

- A. Dân số đông, nhu cầu tiêu dùng cao, trong khi sản xuất chưa phát triển
- B. Kinh tế nước ta phát triển chậm chưa đáp ứng nhu cầu trong nước
- C. Sự phục hồi và phát triển của sản xuất và tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu
- D. Phần lớn dân cư chỉ dùng hàng ngoại nhập, không dùng hàng trong nước

Câu 8. Tình trạng nhập siêu trong cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1995 – 2010 chủ yếu là do

- A. Nền kinh tế đang trong giai đoạn đầu tư, đổi mới, tăng năng lực sản xuất
- B. Nền kinh tế phát triển chậm, mặt hàng xuất khẩu ít và chất lượng kém, chủ yếu là hàng thô
- C. Dân số đông, nhu cầu nhập khẩu hàng tiêu dùng rất lớn
- D. Tài nguyên thiên nhiên hạn chế, thiếu nguồn nhiên liệu cho sản xuất

Câu 9. Trong những năm gần đây, cán cân ngoại thương của nước ta thay đổi theo hướng cân đối hơn, cụ thể là:

- A. Giá trị nhập khẩu luôn cao hơn giá trị xuất khẩu
- B. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu luôn bằng tốc độ tăng giá trị nhập khẩu
- C. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu cao hơn tốc độ tăng giá trị nhập khẩu
- D. Giá trị xuất khẩu tăng, giá trị nhập khẩu giảm

Câu 10. Các thị trường nhập khẩu hàng hóa chủ yếu của nước ta những năm gần đây là

- A. Các nước châu Phi và Mỹ La tinh
- B. Các nước ASEAN và châu Phi
- C. Khu vực Tây Á và các nước ASEAN
- D. Khu vực châu Á – Thái Bình Dương và châu Âu

Câu 11. Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao nhất của nước ta những năm qua là:

- A. Dầu thô, khí đốt, điện
- B. Xăng dầu thành phẩm, công nghệ phần mềm
- C. Dầu thô, thủy sản, hàng may mặc
- D. Khí đốt, lâm sản, thủy sản

Câu 12. Giai đoạn 1990 – 2005 , xuất khẩu nước ta

- A. Liên tục có giá trị thấp hơn so với nhập khẩu
- B. Có mặt hàng chủ lực là các sản phẩm chế biến và tinh chế
- C. Đã có năm đạt giá trị cao hơn so với nhập khẩu (xuất siêu)

D. Liên tục có giá trị cao hơn so với nhập khẩu

Câu 13. Một trong những địa điểm du lịch nhân văn nổi tiếng ở nước ta là:

- A. Vịnh Hạ Long
- B. Phố cổ Hội An
- C. Hồ Ba Bể
- D. Động Phong Nha – Kẻ Bàng

Câu 14. Một trong những di sản thiên nhiên thế giới ở nước ta là :

- A. Vịnh Hạ Long
- B. Phố cổ Hội An
- C. Thánh địa Mỹ Sơn
- D. Quần thể di tích cố đô Huế

Câu 15. Hồ nước tự nhiên trở thành điểm tham quan du lịch nổi tiếng ở nước ta là:

- A. Dầu Tiếng
- B. Hòa Bình
- C. Ba Bể
- D. Thác Bà

Câu 16. Tính đến nay, địa phương có hai di sản văn hóa thế giới là

- A. Thanh Hóa
- B. Ninh Bình
- C. Quảng Nam
- D. Quảng Bình

Câu 17. Ý nào dưới đây là đúng khi nói về ngành du lịch nước ta những năm qua?

- A. Phát triển nhanh nhờ chính sách Đổi mới Nhà nước
- B. Số lượng khách quốc tế rất ổn định hàng năm
- C. Doanh thu từ du lịch có xu hướng giảm
- D. Số lượng khách nội địa không nhiều bằng số lượng khách quốc tế

Câu 18. Các trung tâm du lịch lớn nhất nước ta xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam là :

- A. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng
- B. Hà Nội, Huế - Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh
- C. Huế - Đà Nẵng, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh
- D. TP Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng, Hà Nội

Câu 19. Phú Quốc trở thành một điểm du lịch hấp dẫn

- A. Mặc dù chưa có sân bay quốc tế
- B. Do được thiên nhiên ưu đãi và được đầu tư mạnh

- C. Vì có di sản văn hóa thế giới
- D. Vì là một di sản thiên nhiên thế giới

Câu 20. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 24, trong giai đoạn 1995- 2007 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước tăng lên gần:

- A. 3,2 lần
- B. 4,2 lần
- C. 5,2 lần
- D. 6,2 lần

Câu 21. Căn cứ vào biểu đồ Cơ cấu giá trị xuất – nhập khẩu năm 2007 của nước ta ở Atlas địa lí Việt Nam trang 24, mặt hàng xuất khẩu có tỉ trọng cao nhất là

- A. Công nghiệp nặng và khoáng sản
- B. Nông, lâm sản
- C. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp
- D. Thủy sản

Câu 22. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 24, hai vùng có ngành thương mại phát triển nhất nước ta là:

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ
- C. Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Hồng
- D. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ

Câu 23. Căn cứ vào biểu đồ tròn ở Atlas địa lí Việt Nam trang 25, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ có tỉ trọng tăng nhiều nhất trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 2000- 2007 là :

- A. Đông Nam Á
- B. Trung Quốc
- C. Đài Loan
- D. Hàn Quốc

Câu 24. Vùng nào ở nước ta ngành nội thương còn kém phát triển?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 25. Các thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là

- A. Bắc Mỹ và châu Á.
- B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.

- C. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu.
- D. Châu Âu và châu Phi.

Câu 26. Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm

- A. Di tích, lễ hội.
- B. Di tích, khí hậu.
- C. Lễ hội, địa hình.
- D. Địa hình, di tích.

Câu 27. Đâu không phải trung tâm du lịch lớn nhất của nước ta?

- A. TP. Hồ Chí Minh.
- B. Hà Nội.
- C. Cần Thơ.
- D. Đà Nẵng.

Câu 28. Về phương diện du lịch, đâu không phải vùng du lịch ở nước ta?

- A. Bắc Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 29. Tam giác tăng trưởng du lịch phía Nam gồm

- A. TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau.
- B. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa, Nha Trang.
- C. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa, Đà Lạt.
- D. TP. Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Lạt.

Câu 30. Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

- A. Đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường.
- B. Chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.
- C. Chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.
- D. Chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.

Câu 31. Biểu hiện nào không nói lên được sự phong phú của tài nguyên du lịch về mặt địa hình của nước ta?

- A. Có 200 hang động.
- B. Có nhiều sông, hồ.
- C. Có 2 di sản thiên nhiên thế giới.
- D. Có 125 bãi biển.

Câu 32. Mặt hàng nào không phải là hàng xuất khẩu phổ biến của nước ta?

- A. Hàng nông - lâm - thủy sản.
- B. Tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu).
- C. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.
- D. Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 33. Hoạt động du lịch biển của các tỉnh phía Nam có thể diễn ra quanh năm vì

- A. Giá cả hợp lý.
- B. Nhiều bãi biển đẹp.
- C. Không có mùa đông lạnh.
- D. Cơ sở lưu trú tốt.

Câu 34. Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là

- A. Vườn quốc gia Cúc Phương và đảo Cát Bà.
- B. Vịnh Hạ Long và quần thể Phong Nha – Kẻ Bàng.
- C. Phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.
- D. Bãi đá cổ Sa Pa và thành nhà Hồ.

Câu 35. Sự phân hóa lãnh thổ du lịch nước ta phụ thuộc vào các yếu tố nào sau đây?

- A. Số lượng du khách đến tham quan.
- B. Vị trí địa lí và tài nguyên du lịch.
- C. Tiềm năng du lịch ở các vùng xa.
- D. Chất lượng đội ngũ trong ngành.

Câu 36. Di sản nào sau đây không phải là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới tại Việt nam?

- A. Văn hóa công chiêng Tây nguyên.
- B. Di sản nhã nhạc cung đình Huế.
- C. Di sản quần thể di tích cố đô Huế.
- D. Di sản hát quan họ Bắc Ninh.

Câu 37. Kim ngạch nhập khẩu tăng lên khá mạnh không phải là sự phản ánh điều gì sau đây?

- A. Sự phục hồi và phát triển của sản xuất.
- B. Việc đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.
- C. Nhu cầu tiêu dùng.
- D. Người dân tiêu dùng hàng ngoại xa xỉ.

Câu 38. Tính đến nay địa phương có 2 di sản văn hóa thế giới là

- A. Thanh Hóa.

- B. Hòa Bình.
- C. Quảng Nam.
- D. Quảng Bình.

Câu 39. Ý nào sau đây không đúng khi nói về phong trào người Việt dùng hàng Việt có ý nghĩa?

- A. thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.
- B. giảm sự phụ thuộc vào hàng nhập khẩu.
- C. thay đổi thói quen sành hàng ngoại nhập.
- D. tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá.

Câu 40. Du lịch biển Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển hơn Bắc Trung Bộ là

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều bãi tắm đẹp.
- B. Do kinh tế phát triển, người dân có kinh nghiệm kinh doanh du lịch.
- C. Do vị trí Nam Trung Bộ thuận lợi hơn.
- D. Vùng biển Nam Trung Bộ có số giờ nắng nhiều, không có gió mùa Đông Bắc.

Câu 41. Nguyên nhân chính làm dẫn tới tăng trưởng xuất khẩu của nước ta trong thời gian vừa qua là

- A. Chính sách hướng ra xuất khẩu, tự do hóa thương mại.
- B. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao và kí kết các hiệp định thương mại với Hoa Kỳ.
- C. Giá thành sản phẩm xuất khẩu thấp.
- D. Hàng hóa của nước ta được nhiều nước ưa dùng.

Câu 42. Hoạt động du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Du lịch mạo hiểm.
- B. Du lịch nghỉ dưỡng.
- C. Du lịch sinh thái.
- D. Du lịch văn hóa.

Câu 43. Đặc điểm nào không đúng về ngoại thương của nước ta ở thời kì sau Đổi mới?

- A. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới.
- B. Thị trường buôn bán mở rộng theo hướng đa dạng hoá, đa phương hoá.
- C. Nước ta có cán cân xuất nhập khẩu luôn luôn xuất siêu.
- D. Có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh/ thành phố nào sau đây ở khu vực Tây Bắc có hoạt động xuất – nhập khẩu phát triển nhất?

- A. Sơn La.
- B. Điện Biên.
- C. Yên Bái.

D. Lào Cai.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh nào ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính theo đầu người đạt trên 16 tỉ đồng?

A. Quảng Nam.

B. Bình Định.

C. Đà Nẵng.

D. Khánh Hòa.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh/ thành phố nào sau đây có giá trị xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu?

A. Hà Nội

B. Hải Phòng

C. Đồng Nai

D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết những nơi nào sau đây có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính theo đầu người đạt trên 16 tỉ đồng?

A. TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội

B. TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương.

C. TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

D. TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 48. Nguyên nhân nào được xem là chủ yếu nhất làm cho kim ngạch xuất khẩu nước ta liên tục tăng lên?

A. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường.

B. Nâng cao năng suất lao động.

C. Tổ chức sản xuất hợp lí.

D. Tăng cường sản xuất hàng hoá.

Câu 49. Chuyển biến cơ bản của ngoại thương về mặt quy mô xuất khẩu là

A. Có nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

B. Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng.

C. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục.

D. Có nhiều bạn hàng lớn như: Hoa Kỳ, Nhật Bản,...

Câu 50. Trong những năm gần đây, tỉ trọng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Bắc Mỹ tăng mạnh chủ yếu là do

A. tác động của việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO.

B. hàng hóa của Việt Nam không ngừng gia tăng về số lượng cũng như cải tiến về mẫu mã, chất lượng sản phẩm.

C. tác động của việc bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam với Hoa Kỳ.

D. đây là thị trường tương đối dễ tính, có dân số đông nên nhu cầu tiêu thụ hàng hóa lớn.

Câu 51. Hạn chế lớn nhất về các mặt hàng chế biến phục vụ xuất khẩu của nước ta là

A. thuế xuất khẩu cao.

B. tỉ trọng hàng gia công còn lớn.

C. làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.

D. chất lượng sản phẩm chưa cao.

Câu 52. Do tác động của việc bình thường hóa quan hệ giữa Việt Nam với Hoa Kỳ nên

A. kim ngạch hàng hóa xuất – nhập khẩu của nước ta sang thị trường Bắc Mỹ giảm.

B. kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang thị trường châu Âu – Thái Bình Dương tăng.

C. tỉ trọng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Bắc Mỹ tăng mạnh.

D. nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng Âu – Mỹ ngày càng phổ biến trong đời sống.

Câu 53. Tỉnh nào ở nước ta có 2 di sản thế giới?

A. Quảng Ninh.

B. Quảng Bình.

C. Thừa Thiên Huế.

D. Quảng Nam.

Câu 54. Các di sản thế giới của nước ta tập trung nhiều nhất ở khu vực

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Duyên hải miền Trung.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 55. Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

A. thị trường thế giới ngày càng mở rộng.

B. đa dạng hóa các đối tượng tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu.

C. tăng cường nhập khẩu dây chuyền máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.

D. sự phát triển của nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.

Câu 56. Hoạt động nội thương của nước ta ngày càng nhộn nhịp, chủ yếu là do

A. Sự đa dạng của các mặt hàng.

B. Tác động của thị trường ngoài nước.

C. Cơ chế quản lí thay đổi.

D. Nhu cầu tiêu dùng của người dân cao.

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 31 : VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG
MAI, DU LỊCH**

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	A	Câu 29	D
Câu 2	C	Câu 30	A
Câu 3	B	Câu 31	B
Câu 4	C	Câu 32	B
Câu 5	B	Câu 33	C
Câu 6	B	Câu 34	B
Câu 7	C	Câu 35	B
Câu 8	A	Câu 36	C
Câu 9	C	Câu 37	D
Câu 10	D	Câu 38	C
Câu 11	C	Câu 39	D
Câu 12	C	Câu 40	A
Câu 13	B	Câu 41	A
Câu 14	A	Câu 42	C
Câu 15	C	Câu 43	C
Câu 16	C	Câu 44	D

Câu 17	A	Câu 45	C
Câu 18	B	Câu 46	D
Câu 19	B	Câu 47	B
Câu 20	D	Câu 48	A
Câu 21	C	Câu 49	C
Câu 22	C	Câu 50	C
Câu 23	D	Câu 51	B
Câu 24	B	Câu 52	C
Câu 25	C	Câu 53	D
Câu 26	A	Câu 54	C
Câu 27	C	Câu 55	D
Câu 28	B	Câu 56	C